

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024 của Cục Bảo vệ thực vật

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 4188/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 28/9/2018;

Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-BNN-TC ngày 12/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2024 - đợt 1 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-BVTV-TC ngày 15/03/2024 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024 của Cục Bảo vệ thực vật.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Cục Bảo vệ thực vật,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024 của Cục Bảo vệ thực vật (Chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

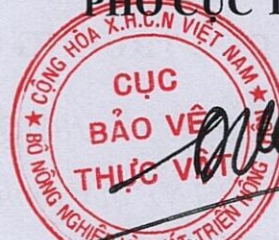
Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, trưởng phòng Tài chính, trưởng phòng Kế hoạch – Tổng hợp và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cục chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Tài chính - Bộ NN và PTNT
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu VT, TC.

KT.CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Quý Dương

Đơn vị: Cục Bảo vệ thực vật
Chương: 012



BIỂU CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 603/QĐ-BVTV-TC ngày 15/3/2024 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)

Đơn vị tính: 1.000 đ

Số TT	Nội dung	Số đã phân bổ															
		Bộ phận TT Cục p.Nam	Trung tâm Giám định KDTV	Trung tâm KDTV Sau NKI	Trung tâm KDTV Sau NKII	Trung tâm BVTV phía Bắc	Trung tâm BVTV vùng Khu IV	Trung tâm BVTV miền Trung	Trung tâm BVTV phía Nam	Trung tâm KB-KNT phía Bắc	Trung tâm KB-KNT phía Nam						
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢ NS																
1	Số thu ngân sách	-	4.100.000	10.340.000	15.500.000	6.500.000	1.900.000	1.910.000	4.105.000	3.000.000	12.400.000						
1.1	Số thu phí		4.100.000	10.340.000	15.500.000	6.500.000	1.900.000	1.910.000	4.105.000	3.000.000	12.400.000						
1.2	Số thu dịch vụ																
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại và nguồn dịch vụ	525.000	2.370.000	3.681.000	2.691.000	2.915.000	2.179.000	2.514.000	2.121.000	2.772.000	9.937.000						
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	-	2.370.000	3.681.000	2.691.000	2.915.000	2.179.000	2.514.000	2.121.000	2.772.000	9.937.000						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		2.370.000	3.681.000	2.691.000	2.915.000	2.179.000	2.514.000	2.121.000	2.772.000	9.937.000						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																
2.2	Chi quản lý hành chính	525.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	525.000															
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ																
3	Số nộp NSNN	-	410.000	1.034.000	1.550.000	650.000	190.000	191.000	410.500	300.000	1.240.000						
3.1	Phí																
3.2	Dịch vụ		410.000	1.034.000	1.550.000	650.000	190.000	191.000	410.500	300.000	1.240.000						